

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/KDTM-ST

Ngày 06-9-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐSTXX-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên **tòa số 26/2021/QĐST-KDTM** ngày 19 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần E (viết tắt là Công ty E); địa chỉ trụ sở: Thôn N, xã D, huyện G, T.P Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K – Chuyên viên pháp chế là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 1101/2020/E **ngày 01 tháng 11 năm 2020**); **vắng mặt.**

- Bị đơn: Công ty TNHH May Quốc tế G (viết tắt là Công ty G); địa chỉ trụ sở: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; **vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là Công ty E do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 Công ty E và Công ty G ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số EP/GLC/2019 (viết tắt là Hợp đồng mua bán hàng hóa). Theo nội dung hợp đồng, Công ty E cung cấp cho Công ty G bông trắng, hàng gia công trần bông và Công ty G có trách nhiệm thanh toán số tiền tương ứng với số lượng hàng hóa được giao trước ngày 31/8/2019. Thực hiện hợp đồng Công ty E đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với Công ty G là cung cấp các sản phẩm hàng hóa gồm bông trắng, hàng gia công trần bông các loại theo các hóa đơn giá trị gia tăng từ ngày 15/7/2019 đến ngày 10/8/2019 với tổng giá trị hàng hóa là 101.157.325 đồng và theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán hàng hóa thì Công ty G phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho Công ty E trước ngày 31/8/2019. Nhưng đến ngày 25/7/2019 Công ty G mới chỉ thanh toán cho Công ty E số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 05/11/2019 hai bên đã có biên bản xác nhận công nợ, theo đó Công ty G còn nợ Công ty E số tiền mua hàng là 51.157.325 đồng từ Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên, ngày 20/11/2020 Công ty G trả 10.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 41.157.325 đồng. Như vậy, Công ty G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền 51.157.325 đồng từ ngày 31/8/2019 và từ ngày 20/11/2020 Công ty G còn nợ Công ty E số tiền là 41.157.325 đồng.

Theo Khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng mua bán hàng hóa quy định: ...“trường hợp Khách Hàng chậm thanh toán thì phải trả lãi suất tương ứng với khoản tiền chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn đối với khoản vay với kỳ hạn 12 (mười hai) tháng áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được công bố tại thời điểm thanh toán”. Theo cung cấp mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng, mức lãi suất cho vay ngắn hạn là 7%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay. Vì vậy, mức lãi suất chậm thanh toán mà Công ty G phải chịu là 10,5%/năm áp dụng với số tiền nợ gốc chậm thanh toán 51.157.325 đồng trong thời gian 446 ngày (từ ngày 31/8/2019 đến ngày 19/11/2020) và số tiền nợ gốc chậm thanh toán 41.157.325 đồng trong thời gian 290 ngày (từ ngày 20/11/2020 đến ngày 06/9/2021). Số tiền lãi chậm thanh toán Công ty G phải chịu tính đến ngày 06/9/2021 là 9.997.091 đồng $[(51.157.325 \times 10,5\% \times 446/365) + (41.157.325 \times 10,5\% \times 290/365)]$.

Đồng thời, theo Khoản 7.1 Điều 7 Hợp đồng mua bán hàng hóa có thỏa thuận: “Nếu Khách Hàng chậm thanh toán thì Khách Hàng sẽ phải chịu phạt là 0,06%/Ngày/tổng số tiền chậm thanh toán, số tiền phạt này không vượt quá 8% phần giá trị Hợp Đồng bị vi phạm”. Do việc chậm thanh toán tiền gốc 51.157.325 đồng của Công ty G trong thời gian chậm thanh toán là 446 ngày (từ ngày 31/8/2019 đến ngày 19/11/2020) nên Công ty G sẽ phải chịu phạt với mức phạt 8% của số tiền chậm thanh toán 51.157.325 đồng và giá trị phạt hợp đồng là 4.092.586 đồng (51.157.325 đồng x 8%).

Do Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hóa, Công ty E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty G phải thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa tính đến ngày 06/9/2021 là 55.247.002 đồng, trong đó: nợ gốc 41.157.325 đồng, phạt vi phạm 4.092.586 đồng và lãi chậm trả 9.997.091 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là Công ty G không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã vi phạm các quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 24, 50, 55, 300, 301 và 306 của Luật Thương mại; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền theo Hợp đồng mua bán hàng hóa tính đến ngày 06/9/2021 là 55.247.002 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo thỏa thuận trong hợp đồng. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn có trụ sở tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được, xét Hợp đồng mua bán hàng hóa số EP/GLC/2019 ngày 10/7/2019 ký giữa Công ty Everpria và Công ty G đã được các bên thống nhất thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm của pháp luật, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy, Hợp đồng mua bán hàng hóa là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hóa: Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa và Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 05/11/2019 thì giá trị hàng hóa Công ty E đã cung cấp cho Công ty G từ ngày 15/7/2019 đến ngày 10/8/2019 là 101.157.325 đồng, ngày 25/7/2019 Công ty G đã trả 50.000.000 đồng và còn nợ 51.157.325 đồng. Số tiền 51.157.325 đồng hai bên đã có biên bản chốt công nợ ngày 05/9/2019 và đến ngày 20/11/2020 Công ty G tiếp tục trả Công ty E 10.000.000 đồng. Như vậy, số tiền Công ty G còn nợ Công ty E từ Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên là 41.157.325 đồng nên yêu cầu khởi kiện của Công ty E đối với Công ty G về việc thanh toán tiền mua hàng còn nợ 41.157.325 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại.

[5] Về tiền lãi chậm thanh toán:

[5.1] Về thời gian tính lãi: Theo Khoản 4.2. Điều 4 Hợp đồng mua bán hàng hóa quy định thì số tiền Công ty G phải thanh toán cho Công ty E là 101.157.325 đồng và thanh toán trước ngày 31/8/2019 nhưng đến ngày 25/7/2019 Công ty G mới thanh toán được 50.000.000 đồng và còn nợ 51.157.325 đồng nên Công ty G đã vi phạm thời hạn thanh toán mà hai bên thỏa thuận từ ngày 31/8/2019. Ngày 05/11/2019 hai bên có biên bản đối chiếu công nợ xác nhận đến ngày 05/11/2019 Công ty G còn nợ Công ty E số tiền 51.157.325 đồng và thỏa thuận Công ty G phải thanh toán đúng theo hợp đồng đã ký. Ngày 20/11/2020 Công ty G trả tiếp 10.000.000 đồng và còn nợ 41.157.325 đồng nên số tiền 41.157.325 đồng phát sinh lãi chậm trả kể từ ngày 20/11/2020. Như vậy, số tiền 51.157.325 đồng chậm thanh toán từ ngày 31/8/2019 đến ngày 19/11/2020 là 446 ngày và số tiền 41.157.325 đồng chậm thanh toán từ ngày 20/11/2020 đến ngày 06/9/2021 là 290 ngày. Vì vậy, Công ty E yêu cầu tính lãi chậm thanh toán kể từ 31/8/2019 cho đến ngày xét xử là có căn cứ chấp nhận.

[5.2] Về mức lãi suất chậm thanh toán: Khoản 4.2 Điều 4 Hợp đồng mua bán hàng hóa quy định: Trường hợp Khách hàng chậm thanh toán thì phải trả lãi suất tương ứng với khoản tiền chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn đối với khoản vay với kỳ hạn 12 (mười hai) tháng áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được công bố tại thời điểm thanh toán. Theo cung cấp của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án thì mức lãi suất cho vay ngắn hạn áp dụng đối với khách hàng doanh nghiệp là 7%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay. Như vậy, mức lãi suất quá hạn đối với khoản vay 12 tháng áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp theo quy định của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hải Phòng là 10,5%/năm. Theo lãi suất nợ ngắn hạn của ba ngân hàng là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam lần lượt là 7,7%/năm, 9,5%/năm và 7,0%/năm, mức lãi suất quá hạn của ba ngân hàng trên bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Do đó mức lãi suất quá hạn trung bình của 3 ngân hàng trên là: $[7,7\% + 9,5\% + 7,0\%] : 3 \times 150\% = 12,1\%/năm$. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu áp dụng là 10,5%/năm thấp hơn mức lãi suất quá hạn của ba Ngân hàng nêu trên nên có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại.

[5.3] Do Công ty G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi chậm trả theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng mua bán hàng hóa và số tiền lãi chậm trả Công ty G phải trả cho Công ty E tính đến ngày 06/9/2021 là 9.997.091 đồng $[(51.157.325 \times 10,5\% \times 446/365) + (41.157.325 \times 10,5\% \times 290/365)]$

[6] Về tiền phạt vi phạm hợp đồng: Theo Khoản 7.1 Điều 7 Hợp đồng mua bán hàng hóa quy định: “Nếu Khách hàng chậm thanh toán thì Khách Hàng sẽ phải chịu phạt là 0,06%/Ngày/tổng số tiền chậm thanh toán, số tiền phạt này không vượt quá 8% phần giá trị Hợp Đồng bị vi phạm”. Do công ty G chậm thanh toán nên phải chịu tiền phạt vi phạm hợp đồng theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán hàng hóa nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền phạt là có căn cứ theo quy định tại Điều 300 Luật Thương mại. Theo thỏa thuận trong Hợp đồng mua bán hàng hóa thì số tiền Công ty G chậm thanh toán là 51.157.325 đồng trong thời gian là 446 ngày (từ ngày 31/8/2019 đến ngày 19/11/2020) với mức phạt là 0,06%/ngày, với số ngày chậm thanh toán và mức phạt 0,06%/ngày thì Công ty G sẽ phải chịu khoản tiền phạt cao hơn mức phạt 8% giá trị hợp đồng bị vi phạm nhưng theo thỏa thuận của hai bên thì số tiền phạt không vượt quá 8% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm nên Công ty E yêu cầu Công ty G phải trả tiền phạt với mức phạt 8% của số tiền chậm thanh toán 51.157.325 đồng là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và phù hợp với quy định tại Điều 301 của Luật Thương mại. Như vậy, số tiền phạt vi phạm hợp đồng 4.092.586 đồng $(51.157.325 \text{ đồng} \times 8\%)$ mà Công ty E yêu cầu Công ty G trả là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 301 của Luật Thương mại.

[7] Như vậy, tổng số tiền Công ty G phải trả cho Công ty E theo Hợp đồng mua bán hàng hóa tính đến ngày 06/9/2021 là 55.247.002 đồng, trong đó nợ gốc 41.157.325 đồng, phạt vi phạm 4.092.586 đồng và lãi chậm trả 9.997.091 đồng.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[8] Công ty G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty E được Tòa án chấp nhận. Trả lại cho Công ty E số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 430, 440, của Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 24, 50, 55, 300, 301 và 306 của Luật Thương mại; Điều 11, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần E, buộc: Công ty TNHH May quốc tế G Việt Nam phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần E số tiền nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số EP/GLC/2019 ngày 10 tháng 7 năm 2019 tính đến ngày 06 tháng 9 năm 2021 là 55.247.002 đồng (Năm mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm linh hai đồng), trong đó nợ gốc 41.157.325 đồng, phạt vi phạm 4.092.586 đồng và lãi chậm trả 9.997.091 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Công ty TNHH May Quốc tế G Việt Nam phải chịu **2.762.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại** sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại cho Công ty Cổ phần E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3.000.000 đồng** tại Biên lai thu số 0013146 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Liên